



Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	2.064.000
1	Thu nội địa	1.970.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	94.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	71.100
IV	Tổng số vay trong năm (2)	87.300
1	Vay để bù đắp bội chi	71.100
2	Vay để trả nợ gốc	16.200
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội chi ngân sách địa phương)	13.100.682
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	16.510.861
1	Bổ sung cân đối ngân sách	10.109.650
2	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương 1,8 triệu đồng/tháng (3)	1.092.142
3	Bổ sung có mục tiêu	5.309.069
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương (V+VI.3)	18.409.751

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
- (2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
- (3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	3.417.000
1	Thu nội địa	3.355.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	62.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội thu ngân sách địa phương (1)	3.600
IV	Tổng số vay trong năm (2)	2.200
1	Vay để trả nợ gốc	2.200
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội thu ngân sách địa phương)	9.457.027
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	9.881.486
1	Bổ sung cân đối ngân sách	5.793.984
2	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương 1,8 triệu đồng/tháng (3)	479.943
3	Bổ sung có mục tiêu	3.607.559
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương (V+VI.3)	13.064.586

Ghi chú:

- (1) Là mức tối thiểu để trả nợ gốc.
(2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
(3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	1.768.500
1	Thu nội địa	1.188.500
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	580.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội thu ngân sách địa phương (1)	35.000
IV	Tổng số vay trong năm (2)	4.100
1	Vay để trả nợ gốc	4.100
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội thu ngân sách địa phương)	9.382.669
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	12.303.541
1	Bổ sung cân đối ngân sách	7.640.301
2	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương 1,8 triệu đồng/tháng (3)	701.198
3	Bổ sung có mục tiêu	3.962.042
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương (V+VI.3)	13.344.711

Ghi chú:

- (1) Là mức tối thiểu để trả nợ gốc.
- (2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
- (3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	7.385.000
1	Thu nội địa	2.385.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	5.000.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	9.800
IV	Tổng số vay trong năm (2)	20.200
1	Vay để bù đắp bội chi	9.800
2	Vay để trả nợ gốc	10.400
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội chi ngân sách địa phương)	11.271.277
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	11.682.207
1	Bổ sung cân đối ngân sách	8.156.116
2	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương 1,8 triệu đồng/tháng (3)	856.561
3	Bổ sung có mục tiêu	2.669.530
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương (V+VI.3)	13.940.807

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
- (2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
- (3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	9.177.500
1	Thu nội địa	8.127.500
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	1.050.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	40.000
IV	Tổng số vay trong năm (2)	72.200
1	Vay để bù đắp bội chi	40.000
2	Vay để trả nợ gốc	32.200
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội chi ngân sách địa phương)	13.855.111
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	8.715.544
1	Bổ sung cân đối ngân sách	5.602.739
2	Bổ sung có mục tiêu	3.112.805
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương (V+VI.2)	16.967.916
VIII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (3)	494.572

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
- (2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
- (3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chi tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	3.524.000
1	Thu nội địa	3.094.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	430.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	115.700
IV	Tổng số vay trong năm (2)	134.000
1	Vay để bù đắp bội chi	115.700
2	Vay để trả nợ gốc	18.300
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội chi ngân sách địa phương)	10.405.647
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	9.896.328
1	Bổ sung cân đối ngân sách	6.570.622
2	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương 1,8 triệu đồng/tháng (3)	754.825
3	Bổ sung có mục tiêu	2.570.881
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương (V+VI.3)	12.976.528

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
- (2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
- (3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

ĐỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	16.120.000
1	Thu nội địa	13.620.000
	<i>Trong đó: Các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương (phần ngân sách trung ương hưởng)</i>	300.280
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	2.500.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	96
III	Bội thu ngân sách địa phương (1)	18.600
IV	Tổng số vay trong năm (2)	40.600
1	Vay để trả nợ gốc	40.600
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội thu ngân sách địa phương)	13.542.070
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	3.004.040
1	Bổ sung có mục tiêu	3.004.040
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương (V+VI.1)	16.546.110
VIII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (3)	725.950

Ghi chú:

- (1) Là mức tối thiểu để trả nợ gốc.
- (2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
- (3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	930.000
1	Thu nội địa	910.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	20.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	2.800
IV	Tổng số vay trong năm (2)	28.900
1	Vay để bù đắp bội chi	2.800
2	Vay để trả nợ gốc	26.100
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội chi ngân sách địa phương)	5.307.896
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	6.523.958
1	Bổ sung cân đối ngân sách	4.060.041
2	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương 1,8 triệu đồng/tháng (3)	393.355
3	Bổ sung có mục tiêu	2.070.562
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương (V+VI.3)	7.378.458

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
- (2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
- (3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	6.872.000
1	Thu nội địa	6.392.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	480.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội thu ngân sách địa phương (1)	15.000
IV	Tổng số vay trong năm (2)	8.600
1	Vay để trả nợ gốc	8.600
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội thu ngân sách địa phương)	13.422.635
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	8.609.410
1	Bổ sung cân đối ngân sách	6.658.804
2	Bổ sung có mục tiêu	1.950.606
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương (V+VI.2)	15.373.241
VIII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (3)	861.951

Ghi chú:

- (1) Là mức tối thiểu để trả nợ gốc.
(2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
(3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	15.661.000
1	Thu nội địa	13.961.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	1.700.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội thu ngân sách địa phương (1)	34.500
IV	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội thu ngân sách địa phương)	20.146.967
V	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	7.831.862
1	Bổ sung cân đối ngân sách	6.159.461
2	Bổ sung có mục tiêu	1.672.401
VI	Dự toán chi ngân sách địa phương (IV+V.2)	21.819.368
VII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (2)	382.806

Ghi chú:

(1) Là mức tối thiểu để trả nợ gốc.

(2) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	4.041.400
1	Thu nội địa	3.781.400
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	260.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	17.200
IV	Tổng số vay trong năm (2)	33.400
1	Vay để bù đắp bội chi	17.200
2	Vay để trả nợ gốc	16.200
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội chi ngân sách địa phương)	11.749.481
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	10.861.223
1	Bổ sung cân đối ngân sách	7.290.136
2	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương 1,8 triệu đồng/tháng (3)	913.745
3	Bổ sung có mục tiêu	2.657.342
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương (V+VI.3)	14.406.823

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
- (2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
- (3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	4.103.000
1	Thu nội địa	4.098.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	5.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bộ chi ngân sách địa phương (1)	91.600
IV	Tổng số vay trong năm (2)	97.600
1	Vay để bù đắp bội chi	91.600
2	Vay để trả nợ gốc	6.000
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội chi ngân sách địa phương)	14.335.881
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	13.664.974
1	Bổ sung cân đối ngân sách	9.435.116
2	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương 1,8 triệu đồng/tháng (3)	938.165
3	Bổ sung có mục tiêu	3.291.693
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương (V+VI.3)	17.627.574

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
- (2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
- (3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	2.105.200
1	Thu nội địa	2.060.200
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	45.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	8.800
IV	Tổng số vay trong năm (2)	10.000
1	Vay để bù đắp bội chi	8.800
2	Vay để trả nợ gốc	1.200
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội chi ngân sách địa phương)	7.469.190
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	8.641.105
1	Bổ sung cân đối ngân sách	4.989.742
2	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương 1,8 triệu đồng/tháng (3)	541.748
3	Bổ sung có mục tiêu	3.109.615
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương (V+VI.3)	10.578.805

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
- (2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
- (3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	1.557.300
1	Thu nội địa	1.542.300
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	15.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bộ chi ngân sách địa phương (1)	65.400
IV	Tổng số vay trong năm (2)	75.000
1	Vay để bù đắp bội chi	65.400
2	Vay để trả nợ gốc	9.600
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội chi ngân sách địa phương)	9.990.966
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	12.366.978
1	Bổ sung cân đối ngân sách	7.751.984
2	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương 1,8 triệu đồng/tháng (3)	715.682
3	Bổ sung có mục tiêu	3.899.312
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương (V+VI.3)	13.890.278

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
- (2) Là mức tối đa địa phương được vay trong n. m.
- (3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	408.530.000
1	Thu nội địa	378.530.000
	<i>Trong đó: Các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương (phần ngân sách trung ương hưởng)</i>	147.177.500
2	Thu từ dầu thô	3.000.000
3	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	27.000.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	32
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	7.676.300
IV	Tổng số vay trong năm (2)	8.050.700
1	Vay để bù đắp bội chi	7.676.300
2	Vay để trả nợ gốc	374.400
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính số bội chi ngân sách địa phương)	136.653.700
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	9.758.204
1	Bổ sung có mục tiêu	9.758.204
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương (V+VI.1)	146.411.904

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
(2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	96.380.000
1	Thu nội địa	37.580.000
	<i>Trong đó: Các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương (phần ngân sách trung ương hưởng)</i>	4.683.120
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	58.800.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	76
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	414.700
IV	Tổng số vay trong năm (2)	1.439.500
1	Vay để bù đắp bội chi	414.700
2	Vay để trả nợ gốc	1.024.800
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội chi ngân sách địa phương)	31.953.120
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	837.304
1	Bổ sung có mục tiêu	837.304
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương (V+VI.1)	32.790.424
VIII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (3)	216.040

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
- (2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
- (3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	53.212.000
1	Thu nội địa	40.712.000
	<i>Trong đó: Các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương (phần ngân sách trung ương hưởng)</i>	8.639.680
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	12.500.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	51
III	Bộ thu ngân sách địa phương (1)	34.600
IV	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bộ thu ngân sách địa phương)	30.204.724
V	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	1.436.342
1	Bổ sung có mục tiêu	1.436.342
VI	Dự toán chi ngân sách địa phương (IV+V.1)	31.641.066
VII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (2)	184.004

Ghi chú:

(1) Là mức tối thiểu để trả nợ gốc.

(2) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chi tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	19.640.000
1	Thu nội địa	16.920.000
	<i>Trong đó: Các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương (phần ngân sách trung ương hưởng)</i>	202.298
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	2.720.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	98
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	256.800
IV	Tổng số vay trong năm (2)	317.100
1	Vay để bù đắp bội chi	256.800
2	Vay để trả nợ gốc	60.300
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội chi ngân sách địa phương)	16.576.799
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	1.656.342
1	Bổ sung có mục tiêu	1.656.342
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương (V+VI.1)	18.233.141
VIII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (3)	401.812

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
- (2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
- (3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	32.823.000
1	Thu nội địa	29.123.000
	<i>Trong đó: Các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương (phần ngân sách trung ương hưởng)</i>	202.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	3.700.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	98
III	Bội thu ngân sách địa phương (1)	25.500
IV	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội thu ngân sách địa phương)	28.641.700
V	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	1.462.048
1	Bổ sung có mục tiêu	1.462.048
VI	Dự toán chi ngân sách địa phương (IV+V.1)	30.103.748

Ghi chú:

(1) Là mức tối thiểu để trả nợ gốc.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	30.425.000
1	Thu nội địa	25.025.000
	<i>Trong đó: Các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương (phần ngân sách trung ương hưởng)</i>	6.941.100
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	5.400.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	66
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	1.219.900
IV	Tổng số vay trong năm (2)	1.480.700
1	Vay để bù đắp bội chi	1.219.900
2	Vay để trả nợ gốc	260.800
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội chi ngân sách địa phương)	17.677.362
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	1.974.321
1	Bổ sung có mục tiêu	1.974.321
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương (V+VI.1)	19.651.683
VIII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (3)	77.122

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
- (2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
- (3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.



Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	31.237.000
1	Thu nội địa	24.237.000
	<i>Trong đó: Các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương (phần ngân sách trung ương hưởng)</i>	5.434.368
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	7.000.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	71
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	992.400
IV	Tổng số vay trong năm (2)	1.000.000
1	Vay để bù đắp bội chi	992.400
2	Vay để trả nợ gốc	7.600
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính số bội chi ngân sách địa phương)	19.342.606
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	1.610.737
1	Bổ sung có mục tiêu	1.610.737
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương (V+VI.1)	20.953.343
VIII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (3)	47.474

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
- (2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
- (3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	15.906.000
1	Thu nội địa	14.221.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	1.685.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bộ thu ngân sách địa phương (1)	23.000
IV	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bộ thu ngân sách địa phương)	14.300.737
V	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	1.391.194
1	Bổ sung cân đối ngân sách	299.485
2	Bổ sung có mục tiêu	1.091.709
VI	Dự toán chi ngân sách địa phương (IV+V.2)	15.392.446
VII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (2)	43.652

Ghi chú:

(1) Là mức tối thiểu để trả nợ gốc.

(2) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.



Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	7.527.000
1	Thu nội địa	6.812.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	715.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bộ thu ngân sách địa phương (1)	19.600
IV	Tổng số vay trong năm (2)	5.400
1	Vay để trả nợ gốc	5.400
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bộ thu ngân sách địa phương)	15.655.392
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	9.799.178
1	Bổ sung cân đối ngân sách	8.332.954
2	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương 1,8 triệu đồng/tháng (3)	846.748
3	Bổ sung có mục tiêu	619.476
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương (V+VI.3)	16.274.868

Ghi chú:

- (1) Là mức tối thiểu để trả nợ gốc.
- (2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
- (3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	17.763.500
1	Thu nội địa	14.163.500
	<i>Trong đó: Các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương (phần ngân sách trung ương hưởng)</i>	1.132.868
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	3.600.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	89
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	8.400
IV	Tổng số vay trong năm (2)	36.000
1	Vay để bù đắp bội chi	8.400
2	Vay để trả nợ gốc	27.600
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội chi ngân sách địa phương)	13.397.827
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	3.894.712
1	Bổ sung có mục tiêu	3.894.712
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương (V+VI.1)	17.292.539
VIII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (3)	570.495

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
(2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
(3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	9.848.000
1	Thu nội địa	8.578.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	1.270.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	10.300
IV	Tổng số vay trong năm (2)	48.000
1	Vay để bù đắp bội chi	10.300
2	Vay để trả nợ gốc	37.700
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội chi ngân sách địa phương)	14.539.479
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	9.617.728
1	Bổ sung cân đối ngân sách	5.281.329
2	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương 1,8 triệu đồng/tháng (3)	1.023.090
3	Bổ sung có mục tiêu	3.313.309
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương (V+VI.3)	17.852.788

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
- (2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
- (3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	34.967.000
1	Thu nội địa	21.417.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu (1)	13.550.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội chi ngân sách địa phương (2)	109.500
IV	Tổng số vay trong năm (3)	182.700
1	Vay để bù đắp bội chi	109.500
2	Vay để trả nợ gốc	73.200
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính số bội chi ngân sách địa phương)	37.484.039
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	18.957.937
1	Bổ sung cân đối ngân sách	14.531.915
2	Bổ sung có mục tiêu	4.426.022
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương (V+VI.2)	41.910.061
VIII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (4)	2.484.124

Ghi chú:

(1) Trong đó dự toán số thu từ hoạt động xuất nhập khẩu của Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng biển Nghi Sơn là 11.500.000 triệu đồng; dự toán hoàn thuế GTGT đối với hàng hóa nhập khẩu để đầu tư hình thành tài sản cố định hoặc để sản xuất hàng hóa nhập khẩu qua cảng biển Nghi Sơn là 2.395.000 triệu đồng.

(2) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.

(3) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.

(4) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	15.832.000
1	Thu nội địa	14.532.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	1.300.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	243.100
IV	Tổng số vay trong năm (2)	303.800
1	Vay để bù đắp bội chi	243.100
2	Vay để trả nợ gốc	60.700
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội chi ngân sách địa phương)	30.363.564
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	20.095.616
1	Bổ sung cân đối ngân sách	14.440.155
2	Bổ sung có mục tiêu	5.655.461
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương (V+VI.2)	36.019.025
VIII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (3)	1.861.409

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
- (2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
- (3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	15.450.000
1	Thu nội địa	6.050.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	9.400.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	206.400
IV	Tổng số vay trong năm (2)	236.800
1	Vay để bù đắp bội chi	206.400
2	Vay để trả nợ gốc	30.400
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội chi ngân sách địa phương)	14.920.532
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	10.802.072
1	Bổ sung cân đối ngân sách	8.041.860
2	Bổ sung có mục tiêu	2.760.212
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương (V+VI.2)	17.680.744
VIII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (3)	997.672

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
- (2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
- (3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	6.070.000
1	Thu nội địa	5.370.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	700.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	158.600
IV	Tổng số vay trong năm (2)	241.900
1	Vay để bù đắp bội chi	158.600
2	Vay để trả nợ gốc	83.300
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội chi ngân sách địa phương)	10.922.434
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	8.591.329
1	Bổ sung cân đối ngân sách	4.864.703
2	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương 1,8 triệu đồng/tháng (3)	779.951
3	Bổ sung có mục tiêu	2.946.675
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương (V+VI.3)	13.869.109

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
- (2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
- (3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	3.896.000
1	Thu nội địa	2.946.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	950.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	53.200
IV	Tổng số vay trong năm (2)	80.400
1	Vay để bù đắp bội chi	53.200
2	Vay để trả nợ gốc	27.200
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội chi ngân sách địa phương)	7.366.178
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	6.427.546
1	Bổ sung cân đối ngân sách	4.045.851
2	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương 1,8 triệu đồng/tháng (3)	506.227
3	Bổ sung có mục tiêu	1.875.468
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương (V+VI.3)	9.241.646

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
(2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
(3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	11.778.000
1	Thu nội địa	11.158.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	620.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	414.700
IV	Tổng số vay trong năm (2)	494.800
1	Vay để bù đắp bội chi	414.700
2	Vay để trả nợ gốc	80.100
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội chi ngân sách địa phương)	13.148.163
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	4.306.828
1	Bổ sung cân đối ngân sách	1.835.531
2	Bổ sung có mục tiêu	2.471.297
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương (V+VI.2)	15.619.460
VIII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (3)	70.982

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
(2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
(3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	19.290.000
1	Thu nội địa	15.790.000
	Trong đó: Các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương (phần ngân sách trung ương hưởng)	1.868.980
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	3.500.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	83
III	Bội thu ngân sách địa phương (1)	59.200
IV	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội thu ngân sách địa phương)	13.107.839
V	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	3.291.047
1	Bổ sung có mục tiêu	3.291.047
VI	Dự toán chi ngân sách địa phương (V+VI.1)	16.398.886
VII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (2)	111.819

Ghi chú:

(1) Là mức tối thiểu để trả nợ gốc.

(2) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	23.105.000
1	Thu nội địa	19.605.000
	<i>Trong đó: Các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương (phần ngân sách trung ương hưởng)</i>	2.623.860
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	3.500.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	82
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	324.800
IV	Tổng số vay trong năm (2)	436.000
1	Vay để bù đắp bội chi	324.800
2	Vay để trả nợ gốc	111.200
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội chi ngân sách địa phương)	17.488.911
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	4.078.966
1	Bổ sung có mục tiêu	4.078.966
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương (V+VI.1)	21.567.877
VIII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (3)	755.971

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
(2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
(3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	25.420.000
1	Thu nội địa	17.640.000
	<i>Trong đó: Các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương (phần ngân sách trung ương hưởng)</i>	956.830
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	7.780.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	93
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	130.600
IV	Tổng số vay trong năm (2)	142.400
1	Vay để bù đắp bội chi	130.600
2	Vay để trả nợ gốc	11.800
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội chi ngân sách địa phương)	16.370.720
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	2.224.262
1	Bổ sung có mục tiêu	2.224.262
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương (V+VI.1)	18.594.982

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
(2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.



Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	11.879.000
1	Thu nội địa	11.450.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	429.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	279.000
IV	Tổng số vay trong năm (2)	310.700
1	Vay để bù đắp bội chi	279.000
2	Vay để trả nợ gốc	31.700
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội chi ngân sách địa phương)	15.680.916
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	6.019.075
1	Bổ sung cân đối ngân sách	3.656.922
2	Bổ sung có mục tiêu	2.362.153
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương (V+VI.2)	18.043.069
VIII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (3)	691.394

Ghi chú:

(1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.

(2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.

(3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chi tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	5.389.000
1	Thu nội địa	5.331.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	58.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	122.200
IV	Tổng số vay trong năm (2)	123.700
1	Vay để bù đắp bội chi	122.200
2	Vay để trả nợ gốc	1.500
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội chi ngân sách địa phương)	9.680.424
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	5.477.085
1	Bổ sung cân đối ngân sách	4.066.494
2	Bổ sung có mục tiêu	1.410.591
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương (V+VI.2)	11.091.015
VIII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (3)	371.130

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
(2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
(3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	16.687.000
1	Thu nội địa	14.600.000
	<i>Trong đó: Các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương (phần ngân sách trung ương hưởng)</i>	1.020.160
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	2.087.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	90
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	895.600
IV	Tổng số vay trong năm (2)	1.040.000
1	Vay để bù đắp bội chi	895.600
2	Vay để trả nợ gốc	144.400
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội chi ngân sách địa phương)	14.233.023
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	2.389.431
1	Bổ sung có mục tiêu	2.389.431
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương (V+VI.1)	16.622.454
VIII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (3)	305.383

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
- (2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
- (3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	3.676.000
1	Thu nội địa	3.623.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	53.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	197.500
IV	Tổng số vay trong năm (2)	230.100
1	Vay để bù đắp bội chi	197.500
2	Vay để trả nợ gốc	32.600
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội chi ngân sách địa phương)	5.415.195
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	3.766.094
1	Bổ sung cân đối ngân sách	1.573.409
2	Bổ sung có mục tiêu	2.192.685
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương (V+VI.2)	7.607.880
VIII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (3)	255.486

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
- (2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
- (3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	9.963.000
1	Thu nội địa	9.005.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	958.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	107.500
IV	Tổng số vay trong năm (2)	120.300
1	Vay để bù đắp bội chi	107.500
2	Vay để trả nợ gốc	12.800
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội chi ngân sách địa phương)	11.601.583
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	4.208.670
1	Bổ sung cân đối ngân sách	2.079.314
2	Bổ sung có mục tiêu	2.129.356
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương (V+VI.2)	13.730.939
VIII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (3)	768.069

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
- (2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
- (3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	7.000.000
1	Thu nội địa	6.935.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	65.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	34.000
IV	Tổng số vay trong năm (2)	47.200
1	Vay để bù đắp bội chi	34.000
2	Vay để trả nợ gốc	13.200
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính cả số bội chi ngân sách địa phương)	17.653.488
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	14.328.405
1	Bổ sung cân đối ngân sách	9.948.629
2	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương 1,8 triệu đồng/tháng (3)	1.085.359
3	Bổ sung có mục tiêu	3.294.417
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương (V+VI.3)	20.947.905

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
- (2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
- (3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.



Phụ lục I

ĐỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	2.948.000
1	Thu nội địa	2.813.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	135.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	17.400
IV	Tổng số vay trong năm (2)	30.000
1	Vay để bù đắp bội chi	17.400
2	Vay để trả nợ gốc	12.600
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội chi ngân sách địa phương)	6.475.800
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	5.923.825
1	Bổ sung cân đối ngân sách	3.437.536
2	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương 1,8 triệu đồng/tháng (3)	387.864
3	Bổ sung có mục tiêu	2.098.425
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương (V+VI.3)	8.574.225

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
(2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
(3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	5.624.500
1	Thu nội địa	5.574.500
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	50.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	4.600
IV	Tổng số vay trong năm (2)	14.300
1	Vay để bù đắp bội chi	4.600
2	Vay để trả nợ gốc	9.700
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội chi ngân sách địa phương)	13.312.678
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	9.974.915
1	Bổ sung cân đối ngân sách	7.448.872
2	Bổ sung có mục tiêu	2.526.043
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương (V+VI.2)	15.838.721
VIII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (3)	655.406

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
- (2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
- (3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	3.253.000
1	Thu nội địa	2.958.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	295.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	68.500
IV	Tổng số vay trong năm (2)	77.100
1	Vay để bù đắp bội chi	68.500
2	Vay để trả nợ gốc	8.600
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính số bội chi ngân sách địa phương)	7.014.291
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	6.503.524
1	Bổ sung cân đối ngân sách	3.719.573
2	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương 1,8 triệu đồng/tháng (3)	442.618
3	Bổ sung có mục tiêu	2.341.333
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương (V+VI.3)	9.355.624

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
- (2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
- (3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chi tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	13.092.000
1	Thu nội địa	12.792.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	300.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	14.500
IV	Tổng số vay trong năm (2)	20.000
1	Vay để bù đắp bội chi	14.500
2	Vay để trả nợ gốc	5.500
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội chi ngân sách địa phương)	15.562.903
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	4.747.201
1	Bổ sung cân đối ngân sách	2.669.429
2	Bổ sung có mục tiêu	2.077.772
VH	Dự toán chi ngân sách địa phương (V+VI.2)	17.640.675
VIII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (3)	515.364

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
(2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
(3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	482.660.000
1	Thu nội địa	333.960.000
	<i>Trong đó: Các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương (phần ngân sách trung ương hưởng)</i>	199.056.300
2	Thu từ dầu thô	17.900.000
3	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	130.800.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	21
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	8.998.400
IV	Tổng số vay trong năm (2)	9.749.300
1	Vay để bù đắp bội chi	8.998.400
2	Vay để trả nợ gốc	750.900
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội chi ngân sách địa phương)	122.849.235
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	4.004.711
1	Bổ sung có mục tiêu	4.004.711
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương (V+VI.1)	126.853.946
VIII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (3)	511.095

Ghi chú:

(1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.

(2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.

(3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024*(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)*

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	55.170.000
1	Thu nội địa	37.370.000
	<i>Trong đó: Các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương (phần ngân sách trung ương hưởng)</i>	13.591.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	17.800.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	50
III	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương	23.204.120
IV	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	4.670.467
1	Bổ sung có mục tiêu	4.670.467
V	Dự toán chi ngân sách địa phương (III+IV.1)	27.874.587
VI	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (1)	486.820

Ghi chú:

(1) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	64.876.000
1	Thu nội địa	48.076.000
	<i>Trong đó: Các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương (phần ngân sách trung ương hưởng)</i>	23.598.472
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	16.800.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	33
III	Bộ chi ngân sách địa phương (1)	914.000
IV	Tổng số vay trong năm (2)	1.001.800
1	Vay để bù đắp bội chi	914.000
2	Vay để trả nợ gốc	87.800
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội chi ngân sách địa phương)	23.314.528
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	3.289.156
1	Bổ sung có mục tiêu	3.289.156
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương (V+VI.1)	26.603.684

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
(2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	12.194.000
1	Thu nội địa	10.912.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	1.282.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	17.800
IV	Tổng số vay trong năm (2)	25.000
1	Vay để bù đắp bội chi	17.800
2	Vay để trả nợ gốc	7.200
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính số bội chi ngân sách địa phương)	12.212.650
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	2.725.848
1	Bổ sung cân đối ngân sách	874.197
2	Bổ sung có mục tiêu	1.851.651
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương (V+VI.2)	14.064.301
VIII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (3)	685.853

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
(2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
(3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

ĐỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	10.930.000
1	Thu nội địa	9.830.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	1.100.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	11.100
IV	Tổng số vay trong năm (2)	17.300
1	Vay để bù đắp bội chi	11.100
2	Vay để trả nợ gốc	6.200
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội chi ngân sách địa phương)	10.222.865
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	1.334.962
1	Bổ sung cân đối ngân sách	464.649
2	Bổ sung có mục tiêu	870.313
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương (V+VI.2)	11.093.178
VIII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (3)	285.681

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
(2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
(3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chi tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	81.970.000
1	Thu nội địa	38.870.000
	<i>Trong đó: Các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương (phần ngân sách trung ương hưởng)</i>	13.547.999
2	Thu từ dầu thô	25.100.000
3	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	18.000.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	52
III	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương	21.395.499
IV	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	1.772.058
1	Bổ sung có mục tiêu	1.772.058
V	Dự toán chi ngân sách địa phương (III+IV.1)	23.167.557
VI	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (1)	21.320

Ghi chú:

(1) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	21.125.000
1	Thu nội địa	17.535.000
	<i>Trong đó: Các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương (phần ngân sách trung ương hưởng)</i>	502.505
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	3.590.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	95
III	Bội thu ngân sách địa phương (1)	12.900
IV	Tổng số vay trong năm (2)	3.500
1	Vay để trả nợ gốc	3.500
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội thu ngân sách địa phương)	16.682.023
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	2.109.119
1	Bổ sung có mục tiêu	2.109.119
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương (V+VI.1)	18.791.142
VIII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (3)	118.428

Ghi chú:

- (1) Là mức tối thiểu để trả nợ gốc.
(2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
(3) Số xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	8.801.000
1	Thu nội địa	8.531.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	270.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bộ thu ngân sách địa phương (1)	700
IV	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bộ thu ngân sách địa phương)	11.441.501
V	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	5.779.299
1	Bổ sung cân đối ngân sách	2.764.482
2	Bổ sung có mục tiêu	3.014.817
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương (V+VI.2)	14.456.318
VII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (2)	567.489

Ghi chú:

(1) Là mức tối thiểu để trả nợ gốc.

(2) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	5.820.000
1	Thu nội địa	5.680.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	140.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	22.800
IV	Tổng số vay trong năm (2)	38.600
1	Vay để bù đắp bội chi	22.800
2	Vay để trả nợ gốc	15.800
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội chi ngân sách địa phương)	10.473.491
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	5.926.167
1	Bổ sung cân đối ngân sách	4.447.853
2	Bổ sung có mục tiêu	1.478.314
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương (V+VI.2)	11.951.805
VIII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (3)	535.338

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
(2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm
(3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	7.509.000
1	Thu nội địa	6.220.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	1.289.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	50.700
IV	Tổng số vay trong năm (2)	53.300
1	Vay để bù đắp bội chi	50.700
2	Vay để trả nợ gốc	2.600
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội chi ngân sách địa phương)	10.210.244
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	5.414.905
1	Bổ sung cân đối ngân sách	3.671.184
2	Bổ sung có mục tiêu	1.743.721
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương (V+VI.2)	11.953.965
VIII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (3)	462.238

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
- (2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
- (3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	5.947.500
1	Thu nội địa	5.897.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	50.500
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	40.000
IV	Tổng số vay trong năm (2)	50.000
1	Vay để bù đắp bội chi	40.000
2	Vay để trả nợ gốc	10.000
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội chi ngân sách địa phương)	9.445.496
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	4.632.654
1	Bổ sung cân đối ngân sách	3.227.001
2	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương 1,8 triệu đồng/tháng (3)	497.495
3	Bổ sung có mục tiêu	908.158
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương (V+VI.3)	10.353.654

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
- (2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
- (3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	12.400.000
1	Thu nội địa	12.082.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	318.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	2.215.800
IV	Tổng số vay trong năm (2)	2.320.500
1	Vay để bù đắp bội chi	2.215.800
2	Vay để trả nợ gốc	104.700
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội chi ngân sách địa phương)	14.922.714
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	3.185.911
1	Bổ sung cân đối ngân sách	815.615
2	Bổ sung có mục tiêu	2.370.296
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương (V+VI.2)	17.293.010
VIII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (3)	307.219

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
- (2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
- (3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	6.284.000
1	Thu nội địa	5.781.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	503.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	9.400
IV	Tổng số vay trong năm (2)	20.100
1	Vay để bù đắp bội chi	9.400
2	Vay để trả nợ gốc	10.700
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội chi ngân sách địa phương)	7.538.369
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	5.953.589
1	Bổ sung cân đối ngân sách	1.815.255
2	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương 1,8 triệu đồng/tháng (3)	364.514
3	Bổ sung có mục tiêu	3.773.820
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương (V+VI.2)	11.312.189

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
- (2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
- (3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	5.003.000
1	Thu nội địa	4.968.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	35.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội thu ngân sách địa phương (1)	15.500
IV	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội thu ngân sách địa phương)	12.199.905
V	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	10.061.865
1	Bổ sung cân đối ngân sách	6.946.725
2	Bổ sung có mục tiêu	3.115.140
VI	Dự toán chi ngân sách địa phương (IV+V.2)	15.315.045
VII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (2)	503.960

Ghi chú:

(1) Là mức tối thiểu để trả nợ gốc.

(2) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chi tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	7.197.000
1	Thu nội địa	6.867.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	330.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	82.200
IV	Tổng số vay trong năm (2)	103.700
1	Vay để bù đắp bội chi	82.200
2	Vay để trả nợ gốc	21.500
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội chi ngân sách địa phương)	15.922.056
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	13.323.960
1	Bổ sung cân đối ngân sách	8.816.122
2	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương 1,8 triệu đồng/tháng (3)	500.734
3	Bổ sung có mục tiêu	4.007.104
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương (V+VI.3)	19.929.160

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
- (2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
- (3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	8.914.000
1	Thu nội địa	8.757.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	157.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bộ thu ngân sách địa phương (1)	13.000
IV	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bộ thu ngân sách địa phương)	15.430.433
V	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	9.256.479
1	Bổ sung cân đối ngân sách	6.617.188
2	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương 1,8 triệu đồng/tháng (2)	650.315
3	Bổ sung có mục tiêu	1.988.976
VI	Dự toán chi ngân sách địa phương (IV+V.3)	17.419.409

Ghi chú:

(1) Là mức tối thiểu để trả nợ gốc.

(2) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	12.520.000
1	Thu nội địa	12.460.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	60.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bộ thu ngân sách địa phương (1)	13.500
IV	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bộ thu ngân sách địa phương)	15.714.259
V	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	4.827.797
1	Bổ sung cân đối ngân sách	3.229.589
2	Bổ sung có mục tiêu	1.598.208
VI	Dự toán chi ngân sách địa phương (IV+V.2)	17.312.467
VII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (2)	348.410

Ghi chú:

(1) Là mức tối thiểu để trả nợ gốc.

(2) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	3.919.200
1	Thu nội địa	3.910.700
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	8.500
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	62.200
IV	Tổng số vay trong năm (2)	81.800
1	Vay để bù đắp bội chi	62.200
2	Vay để trả nợ gốc	19.600
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội chi ngân sách địa phương)	7.368.787
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	4.495.202
1	Bổ sung cân đối ngân sách	3.206.631
2	Bổ sung có mục tiêu	1.288.571
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương (V+VI.2)	8.657.358
VIII	Thu chuyển nguồn thực hiện cải cách tiền lương (3)	356.536

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
(2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
(3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

Phụ lục I

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
I	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	5.336.000
1	Thu nội địa	5.230.000
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	106.000
II	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
III	Bội chi ngân sách địa phương (1)	16.900
IV	Tổng số vay trong năm (2)	30.400
1	Vay để bù đắp bội chi	16.900
2	Vay để trả nợ gốc	13.500
V	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (đã tính đến số bội chi ngân sách địa phương)	11.054.029
VI	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	7.444.982
1	Bổ sung cân đối ngân sách	5.618.995
2	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương 1,8 triệu đồng/tháng (3)	459.924
3	Bổ sung có mục tiêu	1.366.063
VII	Dự toán chi ngân sách địa phương (V+VI.3)	12.420.092

Ghi chú:

- (1) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
(2) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm.
(3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.